

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

*** * * * ***

LÊ NGỌC KIÊN

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN
QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

MÃ SỐ: 62.58.01.06

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
VÀ CÔNG TRÌNH**

HÀ NỘI, NĂM 2021

Luận án được hoàn thành tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.KTS Trần Trọng Hanh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp trường tại **Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội** vào hồingày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện trường Đại học Kiến trúc Hà Nội
2. Thư viện quốc gia

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài luận án.

Đề tài được lựa chọn dựa trên các lý do chính bao gồm: (1) Quần thể di tích cổ đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản thế giới (DSTG) năm 1993, là 01 trong 08 DSTG, 01 trong 04 cổ đô: Huế, Hoàng thành Thăng Long, Hoa Lư và Thành nhà Hồ có các quần thể di tích được UNESCO công nhận là DSTG của Việt Nam, trong đó Quần thể di tích Huế còn khá nguyên vẹn và đang lưu giữ được nhiều nhất các di tích lịch sử - văn hóa có giá trị nổi bật toàn cầu, đặc biệt là các giá trị về không gian, kiến trúc, cảnh quan (KG, KT, CQ). Các giá trị đó được phát huy và trở thành động lực chính phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra gần 50% GRDP của tỉnh Thừa Thiên – Huế; (2) Thực hiện quan điểm của Đảng “*Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”; Công ước về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên (DSVH&TN) Thế giới năm 1972 và Luật Di sản văn hóa (DSVH) của Việt Nam; (3) Trong những năm qua, công tác quản lý (QL) bảo tồn, phát huy các giá trị, trong đó có các giá trị về KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô ở nước ta đã được Nhà Nước (NN) quan tâm và có những chuyển biến tích cực trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các chủ trương, chính sách, định hướng, chiến lược; phê duyệt nhiều quy hoạch, kế hoạch và dự án đầu tư tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa; triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, sưu tầm, kiểm kê, phân loại và bảo vệ, phát huy DSTG ..., tuy nhiên, nhìn chung còn bất cập; nguy cơ mai một chưa được ngăn chặn. Các DSVH&TN thế giới, trong đó có Quần thể di tích cổ đô Huế đang phải đối mặt với các thách thức, có thể dẫn đến dẫn đến bị hủy hoại, đe dọa sự tồn vong, mất dần tính toàn vẹn và giá trị xác thực; (4) Trong hơn 30 năm qua, Quần thể di tích cổ đô Huế đã được trùng tu, khôi phục một cách hệ thống, vượt qua thời kỳ đổ nát và chuyển sang giai đoạn phát triển bền vững. Công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế, một mặt phải tập trung giải quyết những tồn tại, bất cập hiện nay, mặt khác phải đổi mới nhằm xây dựng Quần thể di tích cổ đô Huế trở thành DSTG xanh, thông minh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) trong thời kỳ mới. Để giải quyết tốt nhiệm vụ này cần phải đổi mới thể chế, khung pháp lý; làm chính xác lại công tác phân vùng bảo vệ; hoàn thiện cơ sở khoa học và mô hình quản trị DSTG, tăng cường hơn nữa vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư, đặc biệt là tiếp thu có chọn lọc

các bài học kinh nghiệm quốc tế nhằm huy động mọi nguồn lực trong QL KG, KT, CQ nói chung và bảo vệ, phát huy giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể DSVH Cổ đô Huế nói riêng để giải quyết các vấn đề từ 04 lý do nêu trên đã khẳng định tính cấp thiết của đề tài.

2. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu, hình thành các nguyên tắc, giải pháp QL NN về KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế, nhằm bảo vệ và phát huy giá trị nổi bật toàn cầu theo hướng phát triển bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác QL NN về KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế là DSTG.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

a) *Về không gian:* Quần thể di tích cố đô Huế bao gồm Kinh thành và hệ thống di tích nằm ngoài Kinh thành Huế, gắn với cảnh quan văn hóa xung quanh.

b) *Về thời gian:* Giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Các phương pháp nghiên cứu.

Trong luận án áp dụng các phương pháp nghiên cứu sau: (1) Phương pháp điều tra, khảo sát, thực địa; thu thập các tài liệu, số liệu, thông tin khoa học, cơ sở dữ liệu; phân tích, đánh giá và nhận diện vấn đề cần giải quyết; (2) Phương pháp dự báo, triển vọng và nhu cầu về QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế; (3) Phương pháp chuyên gia và phương pháp phi thực nghiệm; (4) Phương pháp xây dựng các giả thuyết; so sánh, đánh giá và lựa chọn phương án tối ưu; (5) Phương pháp tiếp cận hệ thống, tích hợp đa ngành và liên lĩnh vực.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của các kết quả nghiên cứu và đóng góp mới của luận án.

5.1. Các kết quả nghiên cứu và ý nghĩa khoa học, thực tiễn.

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học bao gồm các kết quả chính như sau:

a) Tổng quan công tác QL KG, KT, CQ trên thế giới và trong nước, từ đó rút ra những vấn đề trọng tâm cần giải quyết;

b) Xây dựng cơ sở khoa học và phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế;

c) Kiến nghị các quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và các giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế.

Các kết quả nghiên cứu trên góp phần gia tăng tri thức trong lĩnh vực nghiên cứu của công tác QL NN về DSTG, làm cơ sở để lập quy hoạch, kế hoạch, hoàn thiện cá cơ chế, chính sách QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế và của các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam, đồng thời là tài liệu tham khảo bổ ích cho công tác nghiên cứu ứng dụng và đào tạo.

5.2. Những đóng góp mới của Luận án.

- a) Góp phần nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng, vai trò của công tác bảo tồn, phát huy giá trị nổi bật toàn cầu về mặt QL KG, KT, CQ của DSTG. Hoàn thiện cơ sở khoa học QL DSTG về KG, KT, CQ trong điều kiện Quần thể di tích cổ đô Huế theo định hướng phát triển đô thị DSTG xanh, thông minh và bền vững;
- b) Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới và xác định các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế theo hướng hình thành Đô thị di sản thế giới - Huế tương lai trong thành phố trực thuộc TW;
- c) Xây dựng các nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ lồng ghép trong QL DSTG của Quần thể di tích cổ đô Huế và bộ tiêu chí, chỉ số, cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện QL KG, KT, CQ trong QL bảo vệ Quần thể di tích cổ đô Huế.

6. Các khái niệm và thuật ngữ.

Trong luận án, sử dụng các khái niệm và thuật ngữ sau: (1) Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (DSTG); (2) Cổ đô; (3) Đô thị di sản; (4) Di tích; (5) Không gian (KG); (6) Kiến trúc (KT); (7) Cảnh quan (CQ); (8) Cảnh quan văn hóa; (9) Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan (QL KG, KT, CQ); (10) Giá trị nổi bật toàn cầu; (11) Tính toàn vẹn; (12) Tính xác thực; (13) Cộng đồng; (14) Khu vực di sản thế giới; (15) Vùng đệm của khu vực DSTG.

7. Cấu trúc luận án.

Luận án được cấu trúc thành 03 phần: Mở đầu; Nội dung; Kết luận và Kiến nghị, trong đó phần Nội dung gồm 03 chương:

Chương I: Tổng quan về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các quần thể di tích cổ đô là Di sản thế giới.

Chương II: Cơ sở khoa học quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cổ đô Huế.

Chương III: Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích Cố đô Huế.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CÁC QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ LÀ DI SẢN THẾ GIỚI

1.1. Tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở các quốc gia.

Các nội dung nghiên cứu chủ yếu bao gồm: ***1.1.1. Phân loại và các tiêu chí của DSTG; 1.1.2. Giới thiệu khái quát các quần thể di tích cổ đô là DSTG; 1.1.3. Tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG.***

- Các DSTG do Công ước về Bảo vệ DSVH&TN thế giới phân loại gồm: (1) Di sản văn hóa thế giới (DSVHTG); (2) Di sản thiên nhiên thế giới (DSTNTG). Các DSVHTG gồm 06 tiêu chí và các DSTNTG gồm 04 tiêu chí do UNESCO quy định.

- Dựa trên các tiêu chí phân loại trên, UNESCO đã xem xét công nhận các DSTG. Đến năm 2020, trên thế giới có 1.121 DSTG nằm ở 167 quốc gia thành viên, trong đó có 869 DSVH, 213 DSTN và 39 di sản hỗn hợp; được phân bố theo 05 nhóm nước: Châu Phi; Các nước Ả Rập và Bắc Phi; Châu Á - Thái Bình Dương; Châu Âu và Bắc Mỹ; Châu Mỹ Latinh và vùng Caribbean. Trong số 869 DSVH thế giới, theo thống kê chưa đầy đủ, có khoảng 80 cổ đô có quần thể di tích đã được UNESCO công nhận là DSTG.

- Tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG đã được thực hiện căn cứ vào Công ước về Bảo vệ DSVH&TN thế giới, Hướng dẫn thực hiện Công ước DSTG năm 1977; Hiến chương Venice; Hiến chương Washington 1987; Hiến chương Athens ... Các quốc gia thành viên đã xây dựng được khoảng 4.794 luật về bảo vệ DSVH&TN thế giới và nhiều văn bản, quy phạm pháp luật, kèm theo các chính sách, công trình nghiên cứu khoa học, quy hoạch, kế hoạch và các quy chế QL DSTG làm khung pháp lý cho công tác QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG.

Tùy theo điều kiện thực tế của các quốc gia và vùng lãnh thổ, Chính phủ các nước đã áp dụng một số giải pháp QL DSTG, trong đó có nội dung QL KG, KT, CQ: (1) Xác định nhiệm vụ bảo vệ DSTG trong các chiến lược phát triển KT – XH, các quy hoạch ĐT và Quy chế QL DSTG hoặc Quy chế QL kiến trúc; (2) Lập Kế hoạch bảo

vệ DSTG; (3) Xác định các chính sách toàn diện thực hiện Kế hoạch bảo vệ DSTG; (4) Xây dựng bộ máy QL DSTG; (5) Phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư.

Tình hình QL KG, KT, CQ tại một số quốc gia tiêu biểu đã được phân tích đánh giá theo nhiều khía cạnh: Pháp lý, hành chính, kỹ thuật, tài chính. Các cổ đô được chọn nghiên cứu gồm: (1) Angkor, Campuchia; (2) Nara, Nhật Bản; (3) Cung điện và công viên Versailles, Pháp; (4) Trung tâm lịch sử Saint Petersburg và Tổ hợp di tích có liên quan của Saint Petersburg, Liên Bang Nga.

1.2. Tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam.

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **1.2.1. Giới thiệu khái quát các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam; 1.2.2. Hiện trạng KG, KT, CQ và các giá trị nổi bật toàn cầu của các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam; 1.2.3. Tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG tại Việt Nam.**

- Quần thể di tích tại các cổ đô: Hoa Lư (thuộc Quần thể danh thắng Tràng An); Khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long; Thành Nhà Hồ; Quần thể di tích cổ đô Huế đã được giới thiệu tổng quát về vị trí, quy mô, các bộ phận cấu thành các quần thể di tích lịch sử - văn hóa và quá trình hình thành, phát triển của từng cổ đô qua các giai đoạn lịch sử.

- Hiện trạng KG, KT, CQ của các cổ đô trên đã được phân tích, đánh giá theo các nội dung: Lựa chọn địa điểm xây dựng, bố cục quy hoạch không gian, tổng mặt bằng; hiện trạng kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên của các di tích; kỹ thuật và công nghệ xây dựng. Kết quả nghiên cứu đã xác định được các giá trị cốt lõi về KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam gồm: (1) Giá trị lịch sử; (2) Giá trị phong thổ về địa điểm xây dựng và quy hoạch đô thị; (3) Giá trị công năng và giá trị sử dụng; (4) Giá trị văn hoá, nghệ thuật; (5) Giá trị về kỹ thuật, công nghệ và vật liệu xây dựng truyền thống; (6) Giá trị tương lai; (7) Giá trị khác như giá trị cổ xưa (*La valeur acienne*) và giá trị hoài niệm (*La valeur commemorative*).

- Phân tích, đánh giá tình hình QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG tại Việt Nam đã chỉ ra, trong thời gian qua công tác này đã được triển khai theo 04 nhóm hoạt động chính bao gồm: (1) Thiết lập cơ sở pháp lý và công cụ QL; (2) Xây dựng bộ máy QL DSTG; (3) Áp dụng đồng bộ các giải pháp QL KG, KT, CQ từ khâu lập quy hoạch, kế hoạch, triển khai các dự án đầu tư, bảo vệ, phục hồi,

tu bỏ các di tích; (4) Phát huy vai trò của cộng đồng, dân cư và huy động nhiều nguồn lực xã hội vào công tác bảo vệ và phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu của các DSTG. Kết quả thực hiện quyết liệt các giải pháp trên đã được đánh giá là hiệu quả. Quần thể di tích các cổ đô cơ bản được khôi phục, vượt qua thời kỳ đồ nát để bước sang thời kỳ phát triển bền vững.

1.3. Hiện trạng QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế.

Nội dung nghiên cứu bao gồm: *1.3.1. Tình hình QL KG, KT, CQ; 1.3.2. Hiện trạng QL KG, KT, CQ; 1.3.3. Một số tồn tại, hạn chế của công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế.*

- Kết quả phân tích, đánh giá hiện trạng QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế từ sau chiến tranh đến nay đã có những chuyển biến tích cực trong việc tổ chức thực hiện khung pháp lý quốc tế và Việt Nam, trên cơ sở đó đã rà soát, hoàn thiện, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch cho phù hợp với quá trình đổi mới. Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế đã được củng cố và nâng cao năng lực để thực hiện tốt 14 nhiệm vụ đã được Chính phủ giao tại Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/09/2017 của Chính phủ. Sau 45 năm phục hưng DSVH cổ đô Huế, UNESCO đã xác nhận: “Cổ đô Huế đang chuyển sang giai đoạn ổn định và phát triển bền vững”. Quần thể di tích cổ đô Huế đã vượt qua giai đoạn cứu nguy khẩn cấp và từng bước được hồi sinh, trở thành động lực quan trọng phát triển ngành du lịch, đóng góp 48,55% GDP của tỉnh Thừa Thiên – Huế và được Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về Xây dựng và phát triển tỉnh trở thành thành phố trực thuộc TW giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để đạt được các kết quả như trên, phải nói đến vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư, nhờ vậy nhiều nguồn lực lớn nhỏ đã được huy động vào mục tiêu phục hồi, bảo vệ và phát huy hiệu quả các giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cổ đô Huế.

1.4. Các đề tài và công trình nghiên cứu khoa học có liên quan.

- Nội dung nghiên cứu gồm: *1.4.1. Trong nước; 1.4.2. Nước ngoài.*

- Trong luận án đã tổng kết đánh giá 06 công trình nghiên cứu khoa học và 16 luận án tiến sỹ trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài, để rút ra định hướng tiếp tục nghiên cứu luận án.

1.5. Các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu tổng quan đã rút được 04 vấn đề trọng tâm cần giải quyết: (1) Góp phần nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy các giá trị của DSTG, trong đó có các giá trị về KG, KT, CQ và xây dựng, hoàn thiện cơ sở khoa học và phương pháp luận QL KG, KT, CQ lồng ghép trong nội dung QL DSTG; (2) Xây dựng phương pháp xác định quy mô, ranh giới các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế theo định hướng hình thành đô thị di sản trong thành phố trực thuộc TW tương lai; (3) Nghiên cứu các nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế theo hướng phát triển bền vững; (4) Xây dựng bộ tiêu chí, các chỉ số và cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế, hàng năm và định kỳ 06 năm theo Công ước bảo vệ DSVH&TN thế giới của UNESCO.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN QUẦN THỂ DI TÍCH CỔ ĐÔ HUẾ

2.1. Vị trí và tầm quan trọng của QL KG, KT, CQ trong QL di sản thế giới.

Toàn cầu hóa và liên kết, hội nhập là xu thế tất yếu của thời đại, song dường như lại xung đột với tư tưởng “cân bằng sinh thái, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và phát triển bền vững”. Trong xu thế đó, QL bảo vệ và phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu về KG, KT, CQ của các DSTG có vị trí, tầm quan trọng đặc biệt phù hợp với quan điểm “Địa phương hóa kiến trúc hiện đại và hiện đại hóa kiến trúc địa phương” của UIA, cho phép các quốc gia thành viên của UNESCO nói chung và Việt Nam nói riêng chủ động ứng phó với các thách thức, nguy cơ làm mất đi các giá trị quý báu của DSTG nhằm mục tiêu “Xây dựng và phát triển văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Các giá trị KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế là một thành tố cốt lõi tạo nên giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và là nền tảng của các giá trị cổ xưa, giá trị lịch sử và giá trị hoài niệm của DSTG. Do đó, QL KG, KT, CQ có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác QL các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam, cũng như ở các quốc gia khác nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu theo hướng phát triển bền vững, để chuyển giao cho các thế hệ mai sau.

2.2. Cơ sở pháp lý.

- Nội dung nghiên cứu bao gồm: **2.2.1. Khung pháp lý và thể chế quốc tế; 2.2.2. Khung pháp lý và thể chế của Việt Nam.**

- Công ước về Bảo vệ DSVH&TN thế giới (1972) và Tài liệu Hướng dẫn thực hiện Công ước di sản thế giới; Hiến chương Burra (Australia, 1979), Hiến chương Washington năm (1987); Văn kiện Nara (1994) và một số văn bản quốc tế khác có liên quan tạo nên khung pháp lý về bảo vệ DSVH&TN thế giới. Các tổ chức quốc tế có trách nhiệm tổ chức thực hiện khung pháp lý trên bao gồm: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (1945); Hội đồng quốc tế của Bảo tàng (1946); Hội đồng về các di tích và di chỉ; Liên minh Quốc tế bảo vệ Thiên nhiên (1948); Ủy ban DSTG liên chính phủ ... tạo nên thể chế quốc tế về bảo vệ DSTG.

- Dựa trên khung pháp chế và thể chế quốc tế, Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý và thể chế bao gồm: Các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó Luật DSVH số 28/2001/QH10, Luật DSVH số 32/2009/QH12 và Luật DSVH số 10/2013/VBHN-VPQH ngày 23/07/2013 là các đạo luật chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng các Bộ, Cơ quan ngang bộ, Cơ quan trực thuộc Chính phủ ban hành các văn bản dưới luật.

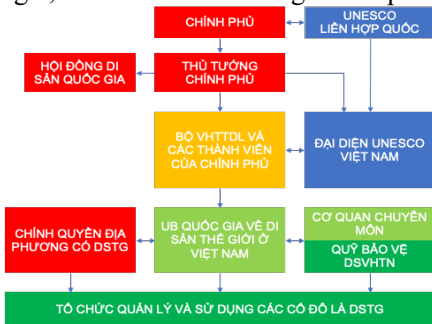
- Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật trên, khung pháp lý còn bao gồm: (1) Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật; (2) Các định hướng, chiến lược, chính sách, cơ chế của Đảng và NN; (3) Các công cụ QL NN bao gồm: Quy hoạch, Kế hoạch, Quy chế bảo vệ DSTG và Quy chế QL kiến trúc; Thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Báo cáo định kỳ và cơ chế giám sát DSTG.

2.3. Cơ sở lý thuyết và phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế.

- Nội dung nghiên cứu gồm: **2.3.1. Cơ sở lý luận về bảo tồn các DSVH&TN thế giới; 2.3.2. Cơ sở quy hoạch cải tạo và bảo vệ các thành phố, khu đô thị lịch sử theo hướng phát triển bền vững; 2.3.3. QL NN về bảo vệ DSTG ở Việt Nam; 2.3.4. Nội dung và phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế; 2.3.5. Đổi mới phương pháp lập Quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế.**

- Cơ sở lý luận về bảo tồn các DSVH&TN thế giới dựa trên: (1) Nội dung bảo tồn các DSTG quy định tại Điều 5 của Công ước về Bảo vệ DSVH&TN thế giới; (2) Các xu hướng bảo tồn DSVH trên thế giới gồm: Xu hướng tái hiện DSTG; Xu hướng Nhà nước trùng tu, khôi phục toàn diện DSTG chủ yếu bằng đầu tư công; Xu hướng

Nhà nước tổ chức thực hiện với sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp và người dân theo 02 cách tiếp cận: Tiếp cận thụ động, chỉ tập trung vào việc gìn giữ, duy trì và trùng tu DSTG và tiếp cận chủ động bao gồm công tác tôn tạo, cải tạo mới, tái phát triển nhằm nâng cấp và thay thế thực trạng của DSTG; (3) Xu hướng QL bảo tồn và phát huy giá trị DSTG ở Việt Nam bao gồm: Chủ động tham gia và phối hợp với cộng đồng thế giới, hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước về DSTG, trong đó các cơ quan Chính phủ có trách nhiệm chính trong việc thực thi khung pháp lý QL bảo tồn và phát huy giá trị DSTG là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ; UBND các cấp và Hội đồng DSVH quốc gia, tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ về DSVH.

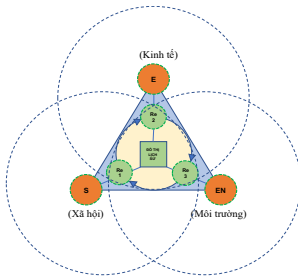


Hình 2.1. Mô hình tổ chức bộ máy hành chính

QL bảo vệ DSVH&TN thế giới ở Việt Nam.

Hoàn thiện bộ máy QL hành chính nhà nước về DSTG phải phù hợp với thông lệ quốc tế (Hình 2.1) và gắn với việc xây dựng 03 mô hình QL sử dụng và khai thác DSTG bao gồm: Tổ chức sự nghiệp của Nhà nước; Doanh nghiệp có đủ điều kiện năng lực và Cơ quan hành chính Nhà nước để Chính quyền các địa phương lựa chọn, áp dụng các phương thức QL DSTG tùy thuộc vào điều kiện cụ thể.

- Cơ sở quy hoạch cải tạo và bảo vệ các thành phố, khu đô thị lịch sử theo hướng phát triển bền vững được xây dựng dựa trên: (1) Quá trình lịch sử hình thành và phát triển ngành quy hoạch đô thị; (2) Tư tưởng phát triển đô thị bền vững và phương pháp quy hoạch đô thị bền vững gắn với cơ chế giám sát và kiểm soát thường xuyên “Độ bền vững” của DSTG bằng công nghệ ICT; (3) Chủ trương “Lấy DSTG nuôi DSTG” theo quan điểm bảo tồn gắn với phát huy DSTG theo mô hình 3R: Phục hưng, Hồi sinh và Tái tạo, lan tỏa. (Hình 2.2)



Hình 2.2. Mô hình quá trình bảo vệ và phát huy bền vững các giá trị của thành phố (cổ đô) và các khu đô thị lịch sử. Re1: Quá trình phục hưng; Re2: Quá trình hồi sinh; Re3: Quá trình tái tạo. E: Kinh tế; S: Xã hội; EN: Môi trường

- Trong luận án xác định 08 nội dung cơ bản của QL Nhà nước về bảo vệ DSTG ở Việt Nam bao gồm: (1) Phân vùng bảo vệ DSTG; (2) Các chỉ tiêu giám sát định kỳ tình trạng bảo tồn yếu tố gốc của DSTG; (3) Quy hoạch tổng thể DSTG; (4) Kế hoạch QL DSTG; (5) Quy chế bảo vệ DSTG; (6) Tổ chức được giao QL sử dụng DSTG; (7) Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động Bảo vệ và QL DSTG; (8) Trách nhiệm bảo vệ và QL DSTG.



Hình 2.3. Sơ đồ phương pháp luận QL KG, KT, CQ lồng ghép với quá trình QL các cổ đô là DSTG.

- Về nội dung và phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế, trong luận án đã xác định các nhiệm vụ của QL KG, KT, CQ lồng ghép trong nội dung QL DSTG và hình thành trình tự phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế theo 03 khối hoạt động. (Hình 2.3)

2.4. Các yếu tố tác động đến công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Từ kết quả nghiên cứu tổng quan và cơ sở lý thuyết trong luận án đã rút ra 09 yếu tố có tác động đến QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế, gồm: (1) Môi trường tự nhiên, biến đổi khí hậu; hiện trạng và các giá trị nổi bật toàn cầu; (2) Khung pháp lý và các công cụ QL KG, KT, CQ; (3) Năng lực và sự phối hợp của các cơ quan QL NN; (4) Mô hình và cơ cấu tổ chức hoạt động của tổ chức được giao QL sử dụng DSTG; (5) Vai trò của cộng đồng và sự tham gia của người dân; (6) Nhu cầu về vốn

và khả năng đáp ứng bằng các phương thức huy động khác nhau; (7) Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin, truyền thông (ICT); (8) Các giải pháp lựa chọn để bảo vệ giá trị KG, KT, CQ trong giá trị nổi bật toàn cầu Quần thể di tích cố đô Huế; (9) Hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học và đào tạo.

2.5. Các bài học kinh nghiệm thực tiễn trong nước và quốc tế.

- Nội dung nghiên cứu gồm: **2.5.1. Đánh giá chung về kinh nghiệm QL KG, KT, CQ các DSTG trong nước và quốc tế; 2.5.2. Một số bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế về công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế.**

Từ kết quả đánh giá chung các bài học kinh nghiệm QL KG, KT, CQ DSTG, trong luận án đã rút ra được 05 bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế gồm: (1) Bài học về xây dựng khung pháp lý và công cụ QL không gian, kiến trúc, cảnh quan DSTG; (2) Bài học về xây dựng mô hình tổ chức QL sử dụng DSTG; (3) Bài học kinh nghiệm về huy động các nguồn lực, sự phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư; (4) Bài học về áp dụng các giải pháp trong việc bảo vệ và phát huy các giá trị về KG, KT, CQ; (5) Bài học về hợp tác quốc tế.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN QUẦN THỂ DI TÍCH CỐ ĐÔ HUẾ

3.1. Quan điểm, mục tiêu và các nguyên tắc QL KG, KT, CQ quần thể di tích cố đô Huế.

- Nội dung nghiên cứu gồm: **3.1.1. Quan điểm; 3.1.2. Mục tiêu; 3.1.3. Các nguyên tắc QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế.**

- Việc hình thành các giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế dựa vào 05 quan điểm chỉ đạo gồm: (1) KG, KT, CQ là một thành tố quan trọng góp phần tạo nên các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học của DSTG cần phải được bảo vệ và phát huy như là một bộ phận của di sản toàn nhân loại; (2) Công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế phải quán triệt Tư tưởng phát triển bền vững của thời đại; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/06/2014 của Hội nghị lần thứ 09 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; các chiến lược phát triển văn hóa và kế hoạch hành động của Chính phủ Việt Nam; (3) Việc QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế phải tuân thủ theo khung pháp lý và thể chế quốc tế và của Việt Nam, trên nền tảng đó xây dựng cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án bảo tồn, tôn

tạo, giữ gìn và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa của DSTG; (4) Phải tổ chức thực hiện và triển khai một cách hệ thống và đồng bộ 05 nội dung QL NN về KG, KT, CQ; (5) Xây dựng thể chế đặc thù trong huy động và sử dụng bền vững các nguồn lực xã hội phù hợp với thể chế hành chính NN, thể chế thị trường và thể chế xã hội công dân nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế.

- Năm quan điểm trên được cụ thể hóa thành các mục tiêu tổng quát: (1) Bảo vệ, bảo tồn và khôi phục lại tính xác thực và tính toàn vẹn của các giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cố đô Huế, trong đó có giá trị về KG, KT, CQ; (2) Phát huy giá trị KG, KT, CQ trong giá trị nổi bật toàn cầu; (3) Xây dựng đô thị DSTG xanh, thông minh, bền vững lấy Quần thể di tích cố đô Huế làm hạt nhân, đảm bảo tính hiệu quả, bao trùm và bền vững. Mục tiêu tổng quát trên được chi tiết hóa thành các mục tiêu cụ thể về kinh tế, văn hóa – xã hội, BVMT, ứng phó với BĐKH và thể chế QL đô thị.

- Trong luận án, đã xây dựng 10 nguyên tắc QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế, bao gồm: (1) Phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của Công ước về Bảo vệ DSVH&TN thế giới; (2) Phải tiếp nhận chính sách chung trong việc xây dựng các cơ sở pháp lý, công cụ, kỹ thuật và cơ sở dữ liệu làm căn cứ QL KG, KT, CQ; (3) Phải có Quy hoạch Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được xây dựng theo Luật Quy hoạch 2017 làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ Quần thể di tích cố đô Huế; (4) Lồng ghép công tác QL KG, KT, CQ vào nội dung QL Quần thể di tích cố đô Huế; (5) Nâng cao năng lực đi đôi với sự tăng cường phối hợp trong bộ máy QL hành chính NN về QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cố đô Huế; (6) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của người dân; (7) Mở rộng liên kết hợp tác trong nước và quốc tế; (8) Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong QL bảo vệ Quần thể di tích cố đô Huế; (9) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho công tác QL KG, KT, CQ DSTG; (10) Quán triệt và coi trọng việc phát triển bền vững, BVMT và ứng phó BĐKH trong QL Quần thể di tích cố đô Huế.

3.2. Điều chỉnh, bổ sung xác định phạm vi, ranh giới các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Các nội dung nghiên cứu gồm: **3.2.1. Các luận cứ xác định phạm vi, ranh giới các khu bảo vệ và phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế; 3.2.2. Phương án xác định phạm vi, ranh giới vùng bảo vệ và phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế; 3.2.3. Định hướng hình thành và phát triển đô thị DSTG Huế trực thuộc thành phố Trung ương.**

- Các luận cứ xác định phạm vi, ranh giới các khu vực bảo vệ và phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế bao gồm: (1) Về mặt pháp lý và quy hoạch; (2) Mô hình và phương pháp xác định các khu vực bảo vệ DSTG áp dụng cho Quần thể di tích cổ đô Huế, trong đó đã kiến nghị 02 vùng và 03 khu vực bảo vệ và việc xác định khoảng cách tối thiểu khu vực bảo vệ trực tiếp $R_{II,1}^{min}$ theo công thức sau:

$$R_{II,1}^{min} = (R_{2,1} + R_{2,2} + R_{2,3}) \text{ hay } R_{II,1}^{min} = \frac{1}{2} (\sqrt{A_x} - L_0);$$

$$A_x = [L_0 + \sqrt{3} H + (3,75x_1 + 2x_2)]^2 + 0,05A_t$$

Trong đó, A_x là tổng diện tích khu vực Kinh thành là DSTG và các khu vực bảo vệ xung quanh; H là chiều cao tối đa của tường thành; L_0 là chiều rộng một cạnh của Kinh thành; x_1 là số lần đường công vụ; x_2 là chiều rộng tối thiểu của vỉa hè đường công vụ; A_t là diện tích của khu vực DSTG; $R_{2,1} = \sqrt{3} H$; $R_{2,2} = (3,75x_1 + 2x_2)$

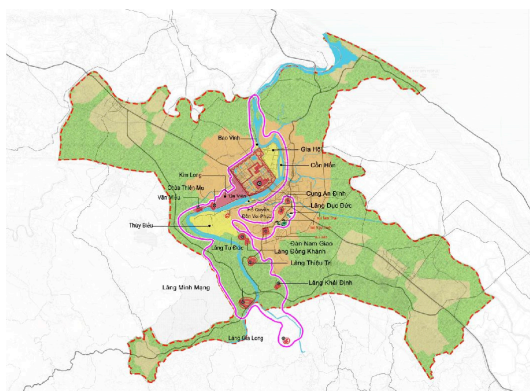
(3) Cơ sở thực tiễn của Khu vực bảo vệ II.1 với chiều rộng x gia tăng sẽ được làm chính xác kết quả tính toán lý thuyết theo công thức trên: $R_{II,1}^{min} = (R_{II,1}^{min} + x)$.

Từ các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn được phân tích ở trên, phương án xác định phạm vi, ranh giới vùng bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế được thiết lập với tổng diện tích khoảng 2748,63ha (Bảng 3.1) và được thể hiện theo bản đồ (Hình 3.1)

Bảng 3.1. Phạm vi, ranh giới vùng bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể Di tích cổ đô Huế.

TT	Các vùng bảo vệ và phát huy giá trị	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Vùng bảo vệ I	R_I	315,40	1,14	
1.1	Kinh thành Huế	R _{I,1}	159,71	5,81	Phân được UNESCO công nhận
1.2	Ngoài Kinh thành	R _{I,2}	155,69	5,66	
II	Vùng bảo vệ II	R_{II}	2433,23	88,52	

2.1	Vùng trong Kinh thành Huế gắn với DSTG	R _{II.1.1}	432,23	15,72	Trong đó có 71,93 ha là vùng đệm đã đăng ký với UNESCO
2.1	Vùng bảo vệ Kinh thành Huế				
2.2	Khu vực bảo vệ di tích ngoài Kinh thành Huế	R _{II.1.2}	10,0	0,36	Kiến nghị bổ sung
2.3	Phân khu vực bảo vệ và phát huy giá trị DSTG (vùng ảnh hưởng)	R _{II.2}	2000	72,76	Kiến nghị bổ sung
Tổng cộng			2748,63	100	



Hình 3.1. Bản đồ hoạch định phạm vi, ranh giới vùng bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế.

Ranh giới điều chỉnh Quy hoạch Chung TP Huế 2030-2050).

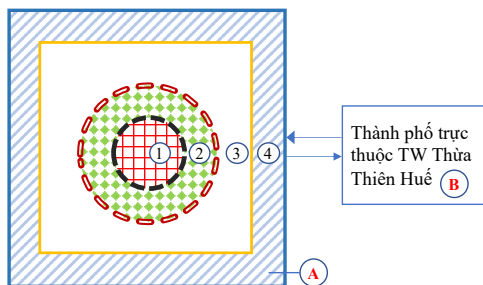
Ranh giới vùng bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cố đô Huế.

- Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về Xây dựng và phát triển Thừa Thiên – Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định “Xây dựng Thừa Thiên – Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa với đặc trưng: Văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh”, cho phép để thiết lập đô thị DSTG xanh, thông minh, bản sắc với diện tích khoảng 2.748,63ha. Đô thị di sản là một hệ sinh thái lấy Quần thể di tích cố đô Huế là hạt nhân gắn với khu vực bảo vệ V_{II.1}, các vùng phát huy giá trị DSTG và vùng dự trữ phát triển cân bằng sinh thái. Nó nằm trong khu vực nội thành, trong đó sông Hương là yếu tố kết nối các vùng chức năng của DSTG, giữ vai trò là trung tâm bố cục KG, KT, CQ tạo nên hình thái đô thị giàu bản sắc Văn hóa – Di sản – Sinh thái – Cảnh quan và Môi trường.

Đô thị DSTG Thừa Thiên - Huế về mặt hành chính có thể là một quận hoặc 01 đô thị độc lập gắn với khu vực nội thành của TP trực thuộc TW tương lai theo quy định của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, nhưng điều quan trọng hơn cả là đô thị DSTG này là một phức hợp lãnh thổ di sản – du lịch đặc thù được Nhà nước cho phép. (Hình 3.2)

3.3. Các nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.3.1. Nhóm giải pháp thứ nhất: Rà soát, bổ**



Hình 3.2. Mô hình đô thị DSTG Thừa Thiên - Huế: (A) trực thuộc TP trực thuộc TW; (B): (1). Quần thể di tích cổ đô Huế - Hạt nhân; (2). Khu vực bảo vệ $R_{II.1}$; (3). Vùng phát huy giá trị DSTG; (4). Vùng dự trữ phát triển và cân bằng sinh thái.

sung và hoàn thiện các cơ sở pháp lý về QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế; 3.3.2. Nhóm giải pháp thứ hai: Phân vùng và xác định các yêu cầu QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế; 3.3.3. Nhóm giải pháp thứ ba: Lồng ghép nội dung, giải pháp QL KG, KT, CQ trong QL bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế; 3.3.4. Nhóm giải pháp thứ tư: Xây dựng, đưa vào áp dụng Đề án Đổi mới mô hình và nâng cao năng lực của Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế; 3.3.5. Nhóm giải pháp thứ năm: Đề xuất các nguyên tắc xây dựng mô hình và thiết chế nâng cao vai trò của cộng đồng và sự tham gia của người dân.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các cơ sở pháp lý và Quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế giai đoạn 2010-2020, trong luận án đề nghị giải pháp bổ sung, hoàn chỉnh cơ sở pháp lý gồm 05 nhiệm vụ: (1) Tiếp tục thực hiện 10 nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2010-2020; (2) Lập Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích cổ đô Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; (3) Xây dựng và ban hành Quy chế QL kiến trúc theo Luật Kiến trúc 2019 lồng ghép trong nội dung Quy chế QL Quần thể di tích cổ đô Huế; (4) Lồng ghép QH tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích cổ đô Huế trong điều chỉnh QHC thành phố Huế và QHT Thừa Thiên - Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến

năm 2050; (5) Xây dựng Đề án phân vùng, xác định phạm vi, ranh giới chi tiết các vùng bảo vệ và phát huy Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Việc phân vùng QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế được dựa vào 05 tiêu chí: (1) Khung pháp luật gồm: Công ước bảo vệ DSVH&TN thế giới; Luật DSVH và Nghị định số 109/2017/NĐ-CP của Chính phủ; (2) Thực trạng bố cục KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế; (3) Điều kiện thực tế của địa phương; (4) Cơ sở lý luận và phương pháp phân vùng; (5) Nguyên tắc và các yếu tố tạo vùng QL KG, KT, CQ.

Căn cứ vào trình tự và phương pháp luận phân vùng KG, KT, CQ, Quần thể di tích cổ đô Huế được chia thành 02 vùng chính bao gồm: Vùng không gian xây dựng Vu và vùng không gian thiên nhiên Vn, trong đó vùng không gian xây dựng gồm 02 khu vực: Khu vực cụm di tích trong Kinh thành (Vu_1), Khu vực cụm di tích các lăng tẩm (Vu_2), khu vực các công trình kiến trúc tôn giáo, văn hóa ngoài Kinh thành (Vu_3), khu vực dân cư đô thị trong Kinh thành (Vu_4) và khu vực phát triển đô thị, nông thôn ngoài Kinh thành (Vu_5); Vùng không gian thiên nhiên Vn bao gồm 03 khu vực: Khu vực không gian xanh và mặt nước thiên nhiên (Vn_1); khu vực không gian xanh, mặt nước bán tự nhiên (Vn_2); Khu vực cây xanh, mặt nước, công viên, vườn hoa nhân tạo (Vn_3). Trên cơ sở các khu vực bảo vệ $R_{II.1}$ và $R_{II.2}$; các vùng Vu và Vn, trong luận án đã xác định các yêu cầu chung đối với R_I , R_{II} và 10 yêu cầu cụ thể đối với các vùng Vu và Vn để hướng dẫn việc QL KG, KT, CQ cho từng khu vực. Các yêu cầu cụ thể này là cơ sở để đưa ra các quy định trong Quy chế QL kiến trúc Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Nội dung lồng ghép giải pháp QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế bao gồm: (1) Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ giá trị KG, KT, CQ trong Quần thể di tích cổ đô Huế. Giải pháp này bao gồm các giải pháp phi công trình thực hiện thông qua các hoạt động: Giám sát, hướng dẫn QL KG, KT, CQ với nội dung phù hợp yêu cầu của Hiến chương Washington 1987; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến và giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp và công dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế; tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ QL giai đoạn 2010-2020; đặc biệt tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm trong QL trật tự DSTG. Các giải pháp công trình bao gồm việc lập và thực hiện các dự án đầu tư bảo vệ, bảo

tồn, bảo quản, tu bổ, phục hồi KG, KT, CQ các di tích thuộc Quần thể di tích cổ đô Huế gồm 13 di tích trong Kinh thành và 20 di tích ngoài Kinh thành; tiếp tục tập trung cao để thực hiện dự án tái định cư giai đoạn 1; triển khai thực hiện 05 dự án đầu tư chỉnh trang đô thị hai bờ sông Hương và cửa ngõ Bắc Nam và các dự án đầu tư xây dựng các công trình tại khu vực R_{II} phục vụ cho yêu cầu bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế gắn với khu vực xung quanh; (2) Các giải pháp phát huy giá trị KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế được triển khai trên cơ sở: Xây dựng thiết chế phát huy giá trị KG, KT, CQ trong giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cổ đô Huế và áp dụng đồng bộ các biện pháp hành chính, tài chính, tuyên truyền giáo dục và hợp tác quốc tế phù hợp với Điều 5, Điều 16 Nghị định 109/2017/NĐ-CP ngày 21/09/2017 của Chính phủ.



Hình 3.3. Sơ đồ nguyên tắc cơ cấu quy hoạch Đô thị di sản tương lai trong TP trực thuộc TW Thừa Thiên - Huế. 1. Đô thị di sản thế giới; 2. Các quận mới; 3. Các quận nông – công nghiệp – dịch vụ; 4. Hành lang xanh; 5. Vùng ngoại thành.

- Mục tiêu xây dựng đề án đổi mới mô hình và nâng cao năng lực Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế bao gồm: (1) Đổi mới mô hình, tăng cường chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế; (2) Tăng cường tính tự chủ cho Trung tâm về kế hoạch, tài chính, biên chế và cơ sở vật chất; (3) Xây dựng Quần thể di tích cổ đô Huế trở thành đô thị DSTG xanh, thông minh trong thành phố trực thuộc TW Thừa Thiên – Huế. Lộ trình thực hiện 03 mục tiêu trên được chia thành 02 giai đoạn: (1) Giai đoạn 1: Chuyển đổi mô hình Trung tâm Bảo tồn Di tích cổ đô Huế từ đơn vị sự nghiệp công lập sang đơn vị sự nghiệp có thu; (2) Giai đoạn 2: Khi tỉnh Thừa Thiên - Huế trở thành thành phố trực thuộc TW, Quần thể di tích cổ đô Huế sẽ được đầu tư, xây dựng trở thành một đô thị DSTG trong thành phố trực thuộc TW Thừa Thiên – Huế. (Hình 3.3)

Ngoài 02 giải pháp ở trên, việc đổi mới mô hình tổ chức và nâng cao năng lực cho Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế phải có các giải pháp hỗ trợ khác gồm: (1) Thành lập Ủy ban liên ngành về Bảo vệ DSVH và DSTN ở tỉnh Thừa Thiên – Huế; (2) Hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tăng cường QL điều kiện năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Về các nguyên tắc xây dựng mô hình và thiết chế nâng cao vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong các các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế, trong luận án đã đề xuất 09 giải pháp có tính nguyên tắc sau: (1) Cộng đồng dân cư phải được tổ chức quy định của pháp luật, tổ chức đại diện cho cộng đồng do người dân bầu ra; (2) Các hoạt động của cộng đồng và sự tham gia của người dân phải dựa trên quy định của pháp luật và một bộ quy tắc ứng xử chung được mọi người bỏ phiếu thông qua; (3) Tổ chức đại diện cho cộng đồng dân cư có trách nhiệm xây dựng các chương trình nghị sự hoạt động và được thông báo đến mọi người dân thống nhất và hành động; (4) Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế có trách nhiệm bố trí “Ngôi nhà chung” cho cộng đồng sinh hoạt để mọi người dân của cộng đồng được tiếp cận thông tin và tham gia các cuộc họp, góp ý kiến thảo luận và giải quyết những ách tắc của người dân và cộng đồng hoặc tham dự những lớp đào tạo, miễn phí để nâng cao trình độ, nhận thức; (5) Nhà nước, các tổ chức NGO và các thành viên tham gia cộng đồng tạo lập quỹ hặc nguồn kinh phí hợp pháp để tổ chức các hoạt động tham gia bảo vệ và phát huy giá trị của DSTG cổ đô Huế; (6) Tổ chức đại diện cộng đồng phối hợp với Trung tâm Bảo tồn di tích cổ đô Huế xây dựng các quy trình báo cáo, lấy ý kiến cộng đồng và tiếp nhận phản hồi ý kiến của cộng đồng; (7) Mọi xung đột, mâu thuẫn trong cộng đồng cần được xử lý thông qua cơ chế hòa giải và cơ chế tư vấn cộng đồng trước khi phải áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật; (8) Mọi sự đóng góp sáng kiến của dân cư, của cộng đồng cho việc bảo vệ và phát huy giá trị DSTG đều được ghi nhận và vinh danh công khai, trừ trường hợp người dân có đề nghị khác; (9) Cộng đồng của Quần thể di tích cổ đô Huế được quyền tham gia hợp tác với tổ chức cộng đồng quốc tế và kiến nghị các cộng đồng của DSTG khác để học tập, tham quan, trao đổi kinh nghiệm về công tác tổ chức và hoạt động của cộng đồng.

3.4. Bộ tiêu chí và chỉ số, cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.4.1. Bộ tiêu chí và các chỉ số giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế;** **3.4.2. Cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công tác QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế.**

- Bộ tiêu chí gồm: (1) Kết quả thực hiện Công ước về DSVH&TN thế giới, các Hiến chương và Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; (2) Bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cổ đô Huế; (3) Khai thác và sử dụng bền vững Quần thể di tích cổ đô Huế dựa trên các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị DSTG. (Bảng 3.2)

Bảng 3.2. Các tiêu chí và các chỉ tiêu đánh giá kết quả QL NN về KG, KT, CQ lồng ghép trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế.

TT	Bộ tiêu chí và các chỉ tiêu	Ký hiệu	Tỷ trọng (%)	Yêu cầu kết quả thực hiện (điểm)
I	Tiêu chí 1: Kết quả thực hiện Công ước DSTG, các Hiến chương, Văn kiện và các điều ước quốc tế.	TC1	20,0	≥ 18,00
1.1	Xây dựng và bổ sung hoàn thiện, cập nhật khung pháp lý và các công cụ QL Quần thể di tích cổ đô Huế.	CS1.1	7,0	≥ 6,30
1.2	Xây dựng bộ máy QL NN về DSTG và tổ chức được giao QL sử dụng.	CS1.2	3,0	≥ 2,70
1.3	Áp dụng đồng bộ các biện pháp: luật pháp, KHKT và công nghệ, hành chính, tài chính và giáo dục nâng cao nhận thức cần thiết cho việc xác định, bảo vệ, bảo tồn, giới thiệu và phục hồi DSTG theo Hướng dẫn của UNESCO.	CS1.3	7,0	≥ 6,30
1.4	Thực hiện đầy đủ, đúng các trách nhiệm và cam kết của một quốc gia thành viên quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Công ước về bảo vệ DSVH&TN thế giới đối với cộng đồng quốc tế.	CS1.4	3,0	≥ 2,70
II	Tiêu chí 2: Bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cổ đô Huế.	TC2	60	54,0
2.1	Tính toán vện và tính xác thực của DSTG.	CS2.1	18	≥ 16,20

2.2	Tính bền vững của tổ chức không gian (quy hoạch), công trình kiến trúc và cảnh quan văn hóa của địa điểm khảo cổ.	CS2.2	18	$\geq 16,20$
2.3	Tính bền vững của DSVH phi vật thể cấu thành Quần thể di tích cổ đô Huế.	CS2.3	10	$\geq 9,0$
2.4	Bảo tồn và phát triển của hệ sinh thái, đa dạng sinh học, đặc biệt là các loại bị đe dọa của môi trường tự nhiên.	CS2.4	6	$\geq 5,4$
2.5	Chất lượng nguồn nước.	CS2.5	6	$\geq 5,4$
2.6	Các yếu tố gốc khác cấu thành giá trị nổi bật toàn cầu của Quần thể di tích cổ đô Huế được giám sát.	CS2.6	2	$\geq 1,80$
III	Tiêu chí 3: Khai thác và sử dụng bền vững Quần thể di tích cổ đô Huế dựa trên các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị.	TC3	20	18
3.1	Quy định rõ ràng vùng bảo vệ Quần thể di tích cổ đô Huế gồm: Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; Khu vực 2 là vùng đệm với chức năng bảo vệ và phát huy các giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế.	CS3.1	7	$\geq 6,3$
3.2	Các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế	CS3.2	7	$\geq 6,3$
3.3	Độ bền vững của Quần thể di tích cổ đô Huế	CS3.3	6	$\geq 5,4$
Tổng cộng: I-III			100	≥ 90

- Cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế được xây dựng dựa trên: (1) Trách nhiệm giám sát, kiểm tra và đánh giá của cơ quan quốc tế và cơ quan trong nước có thẩm quyền; (2) Quy định rõ nội dung giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công tác QL KG, KT, CQ lồng ghép trong nội dung đánh giá QL Quần thể di tích cổ đô Huế.

3.5. Các kết quả nghiên cứu chính và bàn luận.

Nội dung nghiên cứu gồm: **3.5.1. Các kết quả nghiên cứu chính của luận án;**

3.5.2. Bàn luận các kết quả nghiên cứu.

- Từ 05 vấn đề chính được xác định và kết quả nghiên cứu tổng quan, trong luận án đã đưa ra được 06 kết quả nghiên cứu sau: (1) Nghiên cứu tổng quan, nhận diện các giá trị KG, KT, CQ trong giá trị nổi bật toàn cầu của các quần thể di tích cổ đô là DSTG; xác định những vấn đề cần tập trung giải quyết trong luận án; (2) Xây

dựng cơ sở khoa học và phương pháp luận QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế; (3) Hình thành các quan điểm, mục tiêu và các nguyên tắc QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế; (4) Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới và xác định khu vực bảo vệ, phát huy giá trị KG, KT, CQ theo định hướng hình thành đô thị di sản trong thành phố trực thuộc TW Thừa Thiên Huế; (5) Xây dựng các nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ trong nội dung QL bảo tồn và phát huy giá trị của Quần thể di tích cổ đô Huế; (6) Thiết lập bộ tiêu chí, các chỉ số và cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả QL KG, KT, CQ trong công tác QL bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế.

- Xét về ý nghĩa khoa học, các kết quả nêu trên đã cung cấp một lượng thông tin lớn và hệ thống về tình hình và thực trạng QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG ở 167 quốc gia thuộc 05 nhóm nước. Các công trình nghiên cứu, luận án có liên quan. Kết quả tổng kết, đánh giá thực trạng KG, KT, CQ của 04 quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam, đã cho phép nhận diện được 07 giá trị cốt lõi gồm: (1) Giá trị lịch sử; (2) Giá trị phong thổ về điểm xây dựng và mô hình quy hoạch đô thị cổ; (3) Giá trị công năng và giá trị sử dụng trong bối cảnh đương đại; (4) Giá trị văn hóa, nghệ thuật; (5) Giá trị về áp dụng công nghệ, kỹ thuật và vật liệu xây dựng truyền thống; (6) Giá trị tương lai; (7) Các giá trị khác (giá trị cổ xưa và giá trị hoài niệm). Năm vấn đề trọng tâm được rút ra từ nghiên cứu tổng quan là 05 vấn đề khoa học về QL NN, là cơ sở để xây dựng cơ sở khoa học gồm: (1) Xác định vị trí và tầm quan trọng của công tác QL KG, KT, CQ; (2) Cơ sở pháp lý QL KG, KT, CQ trong QL Quần thể di tích cổ đô Huế; cơ sở pháp lý QL KG, KT, CQ; (3) cơ sở lý thuyết và phương pháp luận QL KG, KT, CQ; (4) các bài học kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước; (5) các yếu tố tác động đến công tác QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế. Kết quả nghiên cứu cơ sở khoa học trong luận án đã góp phần gia tăng giá trị khoa học của lĩnh vực nghiên cứu.

Các kết quả nghiên cứu về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nguyên tắc QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế được dựa trên tư tưởng phát triển bền vững của thời đại; các định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước Việt Nam; khung pháp lý, thể chế quốc tế và trong nước, đặc biệt là cách tiếp cận mới, trong đó DSTG được coi là một tài nguyên vô giá của mỗi quốc gia và thế giới, nếu giá trị của nó được

phát huy sẽ trở thành động lực to lớn phát triển KT-XH của địa phương, vùng và quốc gia.

- Xét về ý nghĩa thực tiễn, các đề xuất về cơ sở và phương pháp điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới các khu vực bảo vệ cho Quần thể di tích cổ đô Huế đã mang lại hiệu quả thiết thực, hướng tới mô hình đô thị DSTG xanh, thông minh và bền vững tương lai, đặt nền móng cho việc thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 54/NQ-TW ngày 10/12/2019. Kết quả đề xuất 05 nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế là những giải pháp mới, được đảm bảo bằng cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn, xác lập luận cứ khoa học để nâng cao hiệu quả QL Quần thể di tích cổ đô Huế, sau giai đoạn phục hồi, để bước sang giai đoạn phát triển bền vững.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Luận án đã đưa ra 06 kết luận, có thể tóm tắt như sau:

- a) Việc lựa chọn đề tài Luận án tiến sỹ “*Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan Quần thể di tích cổ đô Huế*” là một việc làm rất cần thiết góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy các giá trị của DSVH&TN thế giới của toàn nhân loại, để chuyển giao cho các thế hệ mai sau.
- b) Kết quả nghiên cứu tổng quan đã xác định được 07 nhóm giá trị của các quần thể di tích cổ đô ở Việt Nam gồm: Giá trị lịch sử; giá trị về địa điểm và xây dựng đô thị cổ; giá trị về công năng; giá trị văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc; giá trị về áp dụng công nghệ, vật liệu xây dựng truyền thống; giá trị tương lai và các giá trị khác, đồng thời cũng rút ra được 06 vấn đề trọng tâm phải giải quyết đó là: (1) Góp phần nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về bảo vệ DSVH&TN thế giới và xây dựng cơ sở khoa học và phương pháp luận QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế; (2) Xây dựng quan điểm, mục tiêu và các nguyên tắc QL KG, KT, CQ làm cơ sở để điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới và xác định các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị KG, KT, CQ của Quần thể di tích cổ đô Huế theo định hướng hình thành đô thị DSTG trong thành phố trực thuộc TW; (3) Xây dựng các nhóm giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế; (4) Thiết lập bộ tiêu chí, chỉ số và cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện QL KG, KT, CQ trong QL bảo vệ Quần thể di tích cổ đô Huế.

- c) Trong Luận án đã nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học QL KG, KT, CQ dựa trên 05 trụ cột: (1) Nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của QL KG, KT, CQ trong QL quần thể di tích cổ đô là DSTG; (2) Cơ sở pháp lý; (3) Cơ sở lý thuyết, trong đó tổng kết các xu hướng bảo vệ các DSVH&TN thế giới dựa trên chu trình 3Re: “Phục hưng, Hồi sinh, Tái tạo và lan tỏa”; cơ sở quy hoạch cải tạo và bảo vệ các thành phố và khu đô thị lịch sử thế giới theo định hướng phát triển bền vững; công tác QL NN Quần thể di tích cổ đô Huế; Đề xuất đổi mới phương pháp lập QH bảo quản, tu bổ, phục hồi Quần thể di tích cổ đô Huế; (4) 05 bài học kinh nghiệm trong nước và quốc tế; (5) 09 yếu tố tác động đến công tác QL KG, KT, CQ quần thể di tích cổ đô là DSTG ở Việt Nam.
- d) Trong Luận án đã hình thành 05 quan điểm; mục tiêu tổng quát với 04 mục tiêu cụ thể và 10 nguyên tắc QL KG, KT, CQ các quần thể di tích cổ đô là DSTG. Các quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc trên là cơ sở thiết lập 03 tiêu chí và 13 chỉ tiêu hình thành cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện Công ước về bảo vệ DSVH&TN thế giới; kết quả bảo vệ các giá trị nổi bật toàn cầu và kết quả QL khai thác, sử dụng bền vững của Quần thể di tích cổ đô Huế hàng năm và định kỳ 06 năm.
- e) Điều chỉnh, bổ sung phạm vi, ranh giới các khu vực bảo vệ, phát huy giá trị KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế là cơ sở để hình thành và phát triển đô thị DSTG xanh, thông minh trực thuộc thành phố TW Thừa Thiên – Huế tương lai.
- f) Trong Luận án đã xây dựng 05 giải pháp QL KG, KT, CQ Quần thể di tích cổ đô Huế bao gồm: (1) Rà soát, bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý và công cụ QL KG, KT, CQ; Quần thể di tích cổ đô Huế; (2) Phân vùng, xác định các khu vực bảo vệ và yêu cầu QL KG, KT, CQ; (3) Lồng ghép nội dung, giải pháp QL KG, KT, CQ trong QL bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế; (4) Đổi mới mô hình và nâng cao năng lực của Trung tâm bảo tồn di tích cổ đô Huế; (5) Xây dựng mô hình và thiết chế phát huy vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư trong việc bảo vệ và phát huy giá trị Quần thể di tích cổ đô Huế.

2. KIẾN NGHỊ

- a) Đối với Quốc Hội và Chính phủ: Luật DSVH năm 2009 đã thực hiện được hơn 10 năm. Nhiều Luật có liên quan như Luật QH, Luật Đầu tư công, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Kiến trúc, Luật Xây dựng, Luật Đất đai v.v... đã và đang được rà soát,

sửa đổi có ảnh hưởng trực tiếp đến Luật DSVH. Đề nghị Quốc Hội, Chính phủ xem xét, đánh giá và cho phép triển khai dự án việc sửa đổi, bổ sung Luật DSVH 2009.

b) Đối với Chính phủ:

- Đề nghị xem xét việc thành lập cơ quan QL liên Bộ, ngành giúp Chính phủ QL toàn diện DSTG ở Việt Nam và là cầu nối với UB liên Chính phủ của UNESCO.
- Nghiên cứu, đổi mới mô hình của Tổ chức QL sử dụng DSTG, trên cơ sở nâng cao năng lực và tăng cường tính tự chủ cho tổ chức này.
- Chỉ đạo việc nghiên cứu và đưa vào áp dụng mô hình đô thị DSTG xanh và thông minh trong cấu trúc của TP trực thuộc TW đối với Quần thể di tích cố đô Huế.

c) Đối với UBND TP Hà Nội, UBND tỉnh Ninh Bình, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế, UBND tỉnh Thanh Hóa: Rà soát, hoàn chỉnh các cơ sở pháp lý xứng đáng để nâng cao hiệu quả, hiệu lực QL NN, phục vụ cho công tác QL các quần thể di tích cố đô là DSTG ở địa phương mình.

d) Đối với chính quyền TP Huế: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thành phố Huế có liên quan đến Quần thể di tích cố đô Huế quyết định hoặc trình cơ quan NN có thẩm quyền quyết định; Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư và sự tham gia của người dân đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị của Quần thể di tích cố đô Huế.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Lê Ngọc Kiên** (2014), “Kiến trúc cổ truyền Việt - một vài vấn đề cần nhìn lại”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, số 4, (49)-2014, Cục Di sản Văn hóa – Bộ VH-TT-DL. ISSN: 1859-4956.
2. **Lê Ngọc Kiên** (2018), “Quản lý nhà nước về không gian, kiến trúc, cảnh quan tại quần thể di tích cổ đô Huế trong bối cảnh đô thị hoá”, *Tạp chí Văn hoá học – VICAS*, số 4, (38)-2018, ISSN 1859-4859.
3. **Lê Ngọc Kiên** (2019), “Quản lý nhà nước về Không gian, Kiến trúc, Cảnh quan tại Quần thể di tích Cổ đô Huế trong bối cảnh đô thị hoá”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Quản lý và sử dụng bền vững cảnh quan văn hoá, hệ thống sinh thái - lịch sử tại các lăng tẩm Hoàng gia triều Nguyễn – Thừa Thiên - Huế”, UBND Tỉnh Thừa Thiên - Huế - TT Bảo tồn di tích cổ đô Huế, Viện Nghiên cứu Đô thị và Vùng – ĐH Waseda (Nhật Bản), NXB Đại học Huế (02/2019). ISBN: 978-604-974-100-5. Mã số sách: NC/05/2019.
4. **Lê Ngọc Kiên** (2020), “Một số nguyên tắc và tiêu chí Đô thị di sản Quốc gia cho cổ đô Huế”, *Tạp chí Thế giới Di sản*, số 6-2020, (165), ISSN: 1859-2600.
5. **Lê Ngọc Kiên** (2020), “Bộ tiêu chí và các chỉ số đánh giá công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan cho Quần thể di tích cổ đô Huế”, *Tạp chí Văn hoá học – VICAS*, số 3, (49)-2020. ISSN: 1859-4859.
6. **Lê Ngọc Kiên** (2021), “Xây dựng công cụ phục vụ giám sát và đánh giá kết quả thực hiện công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan quần thể di tích cổ đô Huế”, *Tạp chí Quy hoạch xây dựng*, số 111 (06/2021). ISSN: 1859-3054.